

BÁO CÁO

**Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017,
Thông tư ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào tình hình thực tế. Trường Tiểu học Hòa Thuận A báo cáo thực
hiện 03 công khai cụ thể như sau:

(Có đính kèm các biểu mẫu)

Hòa Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2024

KT.Thủ trưởng đơn vị

P.Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thị Nga

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Trẻ 7 tuổi và HTCT lớp 1	Trẻ 8 tuổi và HTCT lớp 2	Trẻ 9 tuổi và HTCT lớp 3	Trẻ 10 tuổi và HTCT lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện 23 tiết/tuần theo chuẩn KTKN.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Học sinh cần có thái độ và ý thức học tập tốt.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Các hoạt động vui chơi, múa hát tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp....				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% lên lớp 2	100% lên lớp 3	100% lên lớp 4	100% lên lớp 5	100% lên lớp 6

Hòa Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2024
KT.Thủ trưởng đơn vị
P.Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)


Bùi Thị Nga

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, HKI năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	850	172	177	169	148	184
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	850	172	177	169	148	184
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						

* Đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 4 (Tổng số học sinh 666)

Nội dung đánh giá	Từng năng lực, phẩm chất	TSHS/Tỉ lệ mức đạt được (%)					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	118	17,72	453	68,02	95	14,26
	Giao tiếp và hợp tác	253	37,99	362	54,05	51	7,66
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	118	17,72	453	68,01	95	14,26
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	248	37,24	364	54,65	54	8,11
	Tính toán	280	42,04	328	49,25	58	8,71
	Tin học	121/317	38,17	121/317	38,17	/	
	Công nghệ	169/317	53,31	148/317	46,69	/	
	Khoa học	276	41,44	388	58,26	02	0,3
	Thẩm mỹ	227	34,08	438	65,77	01	0,15
	Thể chất	248	37,24	417	62,61	01	0,15
Phẩm chất chủ yếu	Yêu nước	563	84,53	103	15,47	/	
	Nhân ái	563	84,53	103		/	
	Chăm chỉ	143	21,47	434	65,17	89	13,36
	Trung thực	562	84,38	104	15,62	/	
	Trách nhiệm	142	21,32	435	65,32	89	13,36

* Đối với lớp 5 (Tổng số học sinh 184)

Nội dung đánh giá	Từng năng lực, phẩm chất	TSHS/Tỉ lệ mức đạt được (%)					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	22	11,96	140	76,09	22	11,96
	Hợp tác	132	71,74	52	28,26	/	
	Tự học, GQVĐ	22	11,96	144	78,26	18	9,78
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	22	11,96	142	77,17	20	10,87
	Tự tin, trách nhiệm	131	71,2	53	28,8	/	
	Trung thực, kỉ luật	149	80,98	35	19,02	/	
	Đoàn kết, yêu thương	149	80,98	35	19,02	/	

IV. Số học sinh chia theo kết quả học tập

* Đối với lớp 1, 2,3 và lớp 4 (Tổng số học sinh 666)

	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	TN&XH	Khoa học	LS &ĐL	Âm nhạc	Mĩ thuật	HĐTN	GD TC	Tin học	Tiếng Anh	Công nghệ	Tiếng dân tộc
Hoàn thành tốt	247	280	264	216	59/148	77/148	247	226	255	248	131/317	242	149/317	44/170
Hoàn thành	364	331	401	302	88/148	71/148	418	439	410	417	186/317	388	167/317	126/170
Chưa hoàn thành	55	55	01	/	01/148	/	01	01	01	01	/	36	01/317	/

* Đối với lớp 5 (Tổng số học sinh 184)

	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Khoa học	Lịch sử - Địa lí	Âm nhạc	Mĩ thuật	Kĩ thuật	Thể dục	Tin học	Tiếng Anh	Tiếng dân tộc
Hoàn thành tốt	59	54	64	135	114	62	79	76	70	48	71	05
Hoàn thành	121	117	120	48	65	122	108	108	114	134	106	15
Chưa hoàn thành	04	13	/	01	05	/	/	/	/	02	07	/

Hòa Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2024

P.Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Bùi Thị Nga

Biểu mẫu 07

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TH HÒA THUẬN A**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, giữa năm học 2023-2024

ĐVT: m²

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	1 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7.130,3	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.655	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.616	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.280	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	72	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	72	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5/5
1.2	Khối lớp 2	5	5/5
1.3	Khối lớp 3	1	1/5
1.4	Khối lớp 4	1	1/4
1.5	Khối lớp 5	1	1/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		



THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
Giữa năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49			45	2	2		2	27	18				
I	Giáo viên	45			42	1	2		2	27	16				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	13			13					7	6				
1	Tiếng dân tộc	1			1					1					
2	Ngoại ngữ	4			4					2	2				
3	Tin học	2			2						2				
4	Âm nhạc	1			1					1					
5	Mỹ thuật	2			2					2					
6	Thể dục	3			3					1	2				
II	Cán bộ quản lý	2			2						2				
1	Hiệu trưởng														
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	2			1	1									
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, tạp vụ														

Hòa Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2024

KT.Thủ trưởng đơn vị

P.Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Bùi Thị Nga